

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-TTg ngày 23/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về các tổ chức sự nghiệp thuộc bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc ban hành điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Thuộc: **VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ - LUYỆN KIM**

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 với danh mục các phép thử kèm theo Quyết định này

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 246**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 05 tháng 01 năm 2016 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT, (3);





PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 79.2013 /QĐ -VPCNCL ngày 26 tháng 03 năm 2013
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Phân tích và Quan trắc môi trường - Trung tâm Môi trường Công nghiệp**
Laboratory: **Department of Environmental Analysis and Monitoring - Center of industrial environment**
Cơ quan chủ quản: **Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim**
Organization: **National Institute of Mining - Metallurgy Science and Technology**
Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**
Field of testing: **Chemical**
Người phụ trách/ Representative: **Hoàng Thế Phi**
Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory :
Nguyễn Thuý Lan Các phép thử được công nhận/ All accredited tests
Vũ Thị Tuyết Mai Các phép thử được công nhận/ All accredited tests
Hoàng Thế Phi Các phép thử được công nhận/ All accredited tests
Số hiệu/ Code: **VILAS 246**
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **05/01/2016**
Địa chỉ/ Address: **30B Đoàn Thị Điểm, quận Đống Đa, Hà Nội**
Địa điểm/ Location: **30B Đoàn Thị Điểm, quận Đống Đa, Hà Nội**
Điện thoại/ Tel: **04.37321521** Fax: **04.37321521**
E-mail: **cie@cie.net.vn** Web: **cie.net.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hoá**
Field of Testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử Materials or products tested	Tên phương pháp thử cụ thể The Name of specific tests	Giới hạn phát hiện (nếu có)/Phạm vi đo Detection limit (if any)/range of measurement	Phương pháp thử Test methods
1.	Nước thải Waste water	Xác định độ pH Determination of pH value	2~12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định hàm lượng Mangan Determination of Manganese content	(0,1~20) mg/L	Hach 8034/1996-2000
3.		Xác định hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) Determination of NO ₃ ⁻ content	(0,5~30) mg/L	Hach 8039/1998

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 246

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn phát hiện (nếu có)/Phạm vi đo <i>Detection limit (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
4.	Nước thải <i>Waste water</i>	Xác định hàm lượng Nitrit (NO_2^-) <i>Determination of NO_2^- content</i>	(0,005~0,30) mg/L	Hach 8507/1998
5.		Xác định hàm lượng Đồng <i>Determination of Copper content</i>	(0,1~5,00) mg/L	Hach 8506/1996-2000
6.		Xác định hàm lượng sulphat (SO_4^{2-}) <i>Determination of SO_4^{2-} content</i>	(3~70) mg/L	Hach 8051/1996-2000
7.		Xác định hàm lượng photphat (PO_4^{-3}) <i>Determination of PO_4^{-3} content</i>	(0,05~2,50) mg/L	Hach 8048/1998
8.		Xác định hàm lượng Cr^{6+} <i>Determination of Cr^{6+} content</i>	(0,03~0,60) mg/L	Hach 8023/1996-2000
9.		Xác định hàm lượng sắt tổng <i>Determination of total Iron content</i>	(0,05~3,00) mg/L	Hach 8008/1998
10.	Không khí vùng làm việc <i>Workplace Air</i>	Xác định nhiệt độ <i>Determination of temperature</i>	(0~60)°C	TCVN 5508:2009
11.		Xác định độ ẩm <i>Determination of humidity</i>	(0~100)%	TCVN 5508:2009
12.	Không khí <i>Air</i>	Xác định tiếng ồn <i>Determination of noise</i>	(30~130) dB	TCVN 7878-1:2008

Ghi chú/Note:

- Hach: phương pháp thử của nhà sản xuất thiết bị/ *Method developed by equipment manufacturer.*



Member of ILAC/APLAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm: PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP – VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ - LUYỆN KIM
Laboratory: DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL ANALYSIS AND MONITORING
CENTER OF INDUSTRIAL ENVIRONMENT
NATIONAL INSTITUTE OF MINING - METALLURGY SCIENCE AND TECHNOLOGY

Địa điểm PTN/ Lab location:

30B Đoàn Thị Điểm, Quận Đống Đa, Hà Nội

đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025: 2005

Lĩnh vực công nhận
Field of Accreditation

HÓA
Chemical

Mã số
Accreditation No

VILAS 246

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



VU XUÂN THỦY

Ngày/Date of Issue: 26/03/2013 (Annex of decision: 79.2013/QĐ-VPCNCL dated 26/3/2013)

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: up to 05/01/2016.

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 05/01/2007.